TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHÂU THÀNH** TỈNH TIỀN GIANG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 917/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 28-12-2022
V/v "Tranh chấp ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH, TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Chinh.

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Ông Nguyễn Văn Y

2/ Ông Phùng Văn Long

- *Thư ký phiên tòa*: Ông Nguyễn Thành Phục – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa:* Không tham gia.

Ngày 28 tháng 12 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 669/2022/TLST-HNGĐ ngày 07 tháng 10 năm 2022 về tranh chấp "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 268/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 05 tháng 12 năm 2022, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: **Thái Thị Thanh N,** sinh năm 1975

Địa chỉ: 239/32C NVR, phường A, thành phố TA, tỉnh LA.

Bị đơn: **Kiều Ngọc T**, sinh năm 1972

Địa chỉ: ấp TP, xã TH, huyện CT, tỉnh TG.

(Chị N có mặt; anh T có đơn xin vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn chị Thái Thị Thanh N trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị N và anh Kiều Ngọc T tự nguyện tìm hiểu và kết hôn năm 2001, có đăng ký kết hôn tại UBND xã KH, thành phố TA, tỉnh LA. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc đến tháng 10/2017 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm trong cuộc sống,

mâu thuẩn về kinh tế, anh T không quan tâm chăm sóc vợ. Chị N và anh T đã ly thân từ tháng 4/2020 cho đến nay. Nay chị N yêu cầu được ly hôn với anh Kiều Ngọc T.

- Về con chung: Không có.
- Về tài sản chung: Không yêu cầu giải quyết.
- Về nợ chung: Không có.

Bị đơn anh Kiều Ngọc T có đơn xin vắng mặt. Tại bản tự khai đề ngày 25/11/2022, anh T trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Anh T đồng ý ly hôn với chị N.
- Về con chung: Không có.
- Về tài sản chung: Không yêu cầu giải quyết.
- Về nợ chung: Không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Qua nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[**1] – Về tố tụng**: Bị đơn anh Kiều Ngọc T có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ vào Điều 227, 228 của Bộ luật tố tụng dân sự Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt đương sự theo thủ tục chung.

[**2]** – **Về nội dung yêu cầu:** Chị Thái Thị Thanh N yêu cầu ly hôn với anh Kiều Ngọc T. Xét yêu cầu xin ly hôn của chị N, Hội đồng xét xử xét thấy:

[2.1] Chị N và anh T xác lập hôn nhân vào năm 2001 và có đăng ký kết hôn tại cơ quan Nhà nước có thẩm quyền là tuân thủ đúng quy định của Luật hôn nhân và gia đình nên hôn nhân của anh chị là hôn nhân hợp pháp.

[2.2] Xét thấy, trong quá trình chung sống giữa chị N và anh T đã phát sinh nhiều mâu thuẩn không thể hàn gắn do bất đồng quan điểm, anh T không quan tâm, chăm sóc vợ con. Chị N và anh T đã ly thân từ tháng 4/2020 cho đến nay. Trong thời gian ly thân vợ chồng cũng không đưa ra được giải pháp để hàn gắn. Từ đó nhận thấy mâu thuẩn giữa chị N và anh T đã thật sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Chị N xin ly hôn và anh T đồng ý, do đó yêu cầu xin ly hôn của chị N là có cơ sở nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2.3] Về con chung: Không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.4] Về tài sản chung không yêu cầu giải quyết và nợ chung không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, chị N phải chịu 300.000đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 35, Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình.

Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1/ Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Thái Thị Thanh N.

- Chị Thái Thị Thanh N được ly hôn với anh Kiều Ngọc T.

2/ Về án phí: Chị Thái Thị Thanh N phải chịu 300.000đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, được trừ vào 300.000đồng tiền tạm ứng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm đã nộp theo biên lai thu số 0020937 ngày 30/9/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang nên xem như đã nộp xong án phí.

Hoàn lại cho chị Thái Thị Thanh N số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 2.250.000đồng theo biên lai thu số 0020981 ngày 04/10/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang.

Đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết công khai.

Nơi nhận:
- VKSND huyện Châu Thành;
- Chi cục THADS huyện Châu Thành;
- UBND xã KH;
- Các đương sự;
- Lưu HS, AV.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Nguyễn Thị Chinh